TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày 06 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Quân.

Ông Phạm Tấn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2024/TLST- DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần N; địa chỉ: A T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Võ Thanh T; chức vụ: Phó Trưởng phòng giao dịch huyện B thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần N, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 6 năm 2025), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T1, sinh năm 1997; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Võ Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần N – Chi

nhánh B – Phòng G (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) và ông Lê Văn T1 đã ký kết "Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng", kèm theo các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V.

Căn cứ theo hợp đồng, Ngân hàng V đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho ông Lê Văn T1 với hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), mục đích sử dụng để chi tiêu cá nhân. Lãi suất áp dụng tại thời điểm phát hành thẻ là 15%/năm.

Ông Lê Văn T1 đã sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Tính đến ngày 06/6/2025, ông Lê Văn T1 còn nợ Ngân hàng V số tiền 233.952.194 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi bốn đồng), bao gồm: dư nợ gốc: 185.957.551 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng); lãi quá hạn: 32.555.182 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai đồng); lãi phạt quá hạn: 15.439.461 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Lê Văn T1 phát sinh dư nợ nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng V đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở và tạo điều kiện về thời hạn thanh toán, nhưng ông T1 vẫn không hợp tác và không thể hiện thiện chí trả nợ. Do đó, vào ngày 14 tháng 5 năm 2024, Ngân hàng V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T1 và chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông T1 trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 06/6/2025 là 233.952.194 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi bốn đồng), bao gồm: Dư nợ gốc: 185.957.551 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng); lãi quá hạn: 32.555.182 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai đồng); lãi phạt quá hạn: 15.439.461 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng). Đồng thời, yêu cầu ông T1 tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của hợp đồng sau ngày 06/6/2025 cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ gốc, lãi và phí.

Tòa án không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho ông T1 do ông T1 thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Theo kết quả xác minh ngày 25 tháng 10 năm 2024 tại Công an thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương: ông T1 có đăng ký thường trú tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T1 theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của ông T1, trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, ông T1 không gửi văn bản trình bày ý kiến của bị đơn về việc Ngân hàng Thương mại cổ phần N tranh chấp hợp đồng tín dụng và không tham gia

các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày; bị đơn ông T1 vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng V yêu cầu ông T1 trả số tiền 233.952.194 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi bốn đồng); trong đó: dư nợ gốc là 185.957.551 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng); lãi quá hạn là 32.555.182 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai đồng); lãi phạt quá hạn là 15.439.461 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng) theo "Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng" ngày 17 tháng 11 năm 2021. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: ông T1 có nơi cư trú tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: bị đơn ông Lê Văn T1 đã được thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được thông báo hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn Ngân hàng V yêu cầu bị đơn ông Lê Văn T1 phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 06/6/2025 là 233.952.194 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi bốn đồng); trong đó: dư nợ gốc là 185.957.551 đồng (một trăm tám mươi lăm

triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng); lãi quá hạn: 32.555.182 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai đồng); lãi phạt quá hạn: 15.439.461 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng).

Ngoài ra, ông T1 phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 07/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay, theo mức lãi suất, phí phát sinh và các thỏa thuận tại "Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng".

[3.2] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ "Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng" được Ngân hàng V phê duyệt ngày 17/11/2021 thì giữa chủ thẻ chính là ông Lê Văn T1 và bên phát hành thẻ là Ngân hàng V có thỏa thuận việc cấp mới và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế V Visa Signature, hạn mức tín dụng là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng.

Căn cứ bảng sao kê tài khoản thẻ tín dụng Ngân hàng V của ông Lê Văn T1 (mã tài khoản VS0840000197; mã số khách hàng 11966739) do Ngân hàng V cung cấp tính đến thời điểm ngày 06/6/2025, ông T1 còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền 233.952.194 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi bốn đồng); trong đó: dư nợ gốc là 185.957.551 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng); lãi quá hạn: 32.555.182 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai đồng); lãi phạt quá hạn: 15.439.461 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"*. Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc…".*

Theo Mục 1.7.2 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định về thanh toán sao kê: "… *chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho V toàn bộ các khoản nợ, phí, lãi phát sinh thể hiện trên sao kê theo quy định….*".

Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụngđịnh: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng".*

Xét thấy bị đơn ông Lê Văn T1 đã nhiều lần được Ngân hàng V thông báo nhắc nhở về việc thanh toán nợ nhưng vẫn không thực hiện, thể hiện thái độ thiếu thiện chí thanh toán cho Ngân hàng V là đã vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng và Điều khoản, Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông T1 phải có nghĩa vụ trả

số tiền dư nợ gốc 185.957.551 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng) là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu trả lãi quá hạn: 32.555.182 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai đồng); lãi phạt quá hạn: 15.439.461 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng) và buộc ông Lê Văn T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*".

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng qui định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

Căn cứ mục 1.7.2 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế V quy định: "…(*iv) Trường hợp chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền thanh toán tối thiểu chậm nhất vào ngày đề nghị thanh toán, chủ thẻ sẽ chịu phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu trên phần số tiền thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán; (v) Trường hợp chủ thẻ không thanh toán hoặc không thanh toán đủ toàn bộ số dư nợ sao kê chậm nhất vào ngày đề nghị thanh toán, chủ thẻ sẽ phải chịu lãi theo quy định của V tại Hợp đồng này*…"

Xét thấy, trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng V, bị đơn ông Lê Văn T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông Lê Văn T1 sang nợ quá hạn là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc buộc bị đơn ông Lê Văn T1 phải trả tiền lãi quá hạn: 32.555.182 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai đồng); lãi phạt quá hạn: 15.439.461 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng) và buộc ông T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 07/6/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V theo mức lãi thỏa thuận tại "Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng" là hoàn toàn phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

[4] Như đã phân tích ở đoạn [3.2], [3.3] Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V đối với bị đơn ông Lê Văn T1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Lê Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 96, các Điều 147, 217, 218, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280; Điều 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N đối với bị đơn ông Lê Văn T1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Lê Văn T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền 233.952.194 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi bốn đồng); trong đó: dư nợ gốc là 185.957.551 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng); lãi quá hạn: 32.555.182 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai đồng); lãi phạt quá hạn: 15.439.461 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng).

Kể từ ngày 07/6/2025 đến khi thi hành án xong, nếu ông Lê Văn T1 không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thì phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi do Ngân hàng Thương mại cổ phần N và ông Lê Văn T1 đã thỏa thuận trong "Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng" ngày 17/11/2021 trên số nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền 4.899.121 đồng (bốn triệu tám trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi mốt đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003769 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Lê Văn T1 phải chịu 11.697.610 đồng (mười một triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm mười đồng).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Thảo